

Số: 5444 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 28 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh mục công trình và kinh phí thực hiện công tác sửa chữa
định kỳ đường bộ năm 2022 do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ; số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 quy định về tổ chức thực hiện dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2021;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 177/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và ổn định đến năm 2025, tỉnh Thanh Hóa; số 179/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 về việc phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2022, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 5255/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 6570/TTr-SGTVT ngày 24/12/2021 về việc phê duyệt danh mục công trình và kinh phí thực hiện công tác sửa chữa định kỳ năm 2022 các tuyến đường trên địa bàn tỉnh do Sở Giao thông vận tải quản lý (kèm theo Công văn số 8027/STC-TCĐN ngày 20/12/2021 của Sở Tài chính).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục công trình và kinh phí thực hiện công tác sửa chữa đường bộ năm 2022 do Sở Giao thông vận tải làm chủ đầu tư với các nội dung sau:

- Danh mục công trình sửa chữa định kỳ đường tỉnh: Gồm 61 công trình với tổng mức đầu tư là 130.000 triệu đồng (*Một trăm ba mươi tỷ đồng*); vốn bố trí năm 2022 là 91.000 triệu đồng; kinh phí còn lại sẽ bố trí trong các năm tiếp theo.

- Danh mục công trình sửa chữa lớn: Gồm 07 công trình với tổng mức đầu tư là 65.000 triệu đồng (*Sáu mươi lăm tỷ đồng*); vốn bố trí năm 2022 là 42.000 triệu đồng; kinh phí còn lại sẽ bố trí trong các năm tiếp theo.

- Thời gian thực hiện: Năm 2022.

- Nguồn kinh phí: Nguồn chi sự nghiệp kinh tế (chi sự nghiệp giao thông) trong dự toán ngân sách tỉnh.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Sở Giao thông vận tải tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các định hiện hành của pháp luật.

- Sở Tài chính trên cơ sở dự toán kinh phí được HĐND tỉnh phân bổ, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, thông báo dự toán chi ngân sách tỉnh năm 2022 cho Sở Giao thông vận tải để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- PCT UBND tỉnh Mai Xuân Liêm;
- Lưu: VT, KTTC, CN (H'71.245).

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

**DANH MỤC VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA
ĐỊNH KỲ NĂM 2022 DO SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI LÀM CHỦ ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Hiện trạng hư hỏng	Quy mô và giải pháp kỹ thuật	Kinh phí thực hiện	Dự toán năm 2022	Ghi chú
	TỔNG CỘNG:			195.000	133.000	
I	Công trình sửa chữa định kỳ đường bộ			130.000	91.000	
1	Sửa chữa Cầu Sông Km1+200 đường Trường Thi - Hàm Rồng (ĐT.501)	Cầu xây dựng từ năm 1976, dài 36,8m; sơ đồ kết cấu nhịp: 3x12m. Hiện trạng: không có gối cầu; dầm chủ, xà mũ trụ BTCT bị nứt, bong vỡ, lộ cốt thép hoen gỉ; tứ nón đá học xây bị hư hỏng.	Sửa chữa trám vá các hư hỏng cục bộ xà mũ trụ; nón mô; sửa chữa thay dầm chủ, gối cầu.	5.800	4.060	
2	Sửa chữa nền, mặt đường và rãnh thoát nước đoạn Km4+750 - Km6+00 đường Quảng Bình - Quảng Yên (ĐT.504)	Đoạn tuyến qua khu đông dân cư, thoát nước kém, gây đọng nước, hư hỏng kết cấu nền, mặt đường	Gia cố lề, sửa chữa nền, mặt đường và rãnh thoát nước	2.600	1.820	
3	Sửa chữa nền, mặt đường và rãnh thoát nước đoạn Km4+00 - Km4+900, Km6+650 - Km8+200 đường Thăng Long - Xuân Thái - đường Nghi Sơn - Bãi Trành (ĐT.505B).	Đoạn tuyến qua khu đông dân cư, thoát nước kém, gây đọng nước, hư hỏng kết cấu nền, mặt đường	Sửa chữa nền, mặt đường và rãnh thoát nước Km6+650 - Km7+00	3.000	2.100	
4	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km5+400 - Km6+200 đường TT Thiệu Hóa - Xuân Vinh - Xuân Lam (ĐT.506B)	Đoạn tuyến có lưu lượng xe lớn gây xuống cấp, hư hỏng kết cấu nền, mặt đường	Sửa chữa nền, mặt đường	1.100	770	
5	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km0+00- Km0+550 đường Nghĩa Trang - Chợ Phú (ĐT.509)	Mặt đường bị lún võng, rạn nứt, bong lóc	Sửa chữa nền, mặt đường, làm rãnh thoát nước dọc	3.800	2.660	
6	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km13+800 - Km15+300 đường tỉnh Cầu Thiều - Thượng Ninh (ĐT.514)	Mặt đường bị hư hỏng lún lõm, rạn nứt, ổ gà, sinh lún	Sửa chữa nền, mặt đường	1.700	1.190	

STT	Tên công trình	Hiện trạng hư hỏng	Quy mô và giải pháp kỹ thuật	Kinh phí thực hiện	Dự toán năm 2022	Ghi chú
7	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km19+600 - Km21+400 đường tỉnh Cầu Thiều - Thượng Ninh (ĐT.514)	Mặt đường bị lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, sinh lún	Sửa chữa nền, mặt đường	2.300	1.610	
8	Sửa chữa cầu Ngô Công (Km11+773) đường tỉnh Sim - Xuân Thắng (ĐT.514B)	Cầu xây dựng đã lâu (từ năm 1972), mô đã xây một số vị trí rạn nứt, hư hỏng, khổ cầu nhỏ hơn so với mặt đường tiềm ẩn nguy cơ mất ATGT	Mở rộng cầu đáp ứng quy mô đường hiện trạng (cầu BTCT, $B_c=6m$, $L_c=5,0m$)	3.500	2.450	
9	Sửa chữa cầu Thành Tiến tại Km6+720, cầu Xuân Thịnh tại Km8+550 đường Đu - Thọ Vực - TT Triệu Sơn (ĐT.515C)	Cầu Thành Tiến xây từ thời chống Pháp, tứ nón có hiện tượng tụt lún, $L = 17m$; $B_{mc} = 3m$ phân xe chạy; Cầu Xuân Thịnh xây dựng năm 1974, hiện cầu bị xuống cấp $L = 22 m$; $B_{mc} = 3m$ phân xe chạy	Kiểm định, sửa chữa cầu Thành Tiến; cầu Xuân Thịnh	500	350	
10	Sửa chữa nền, mặt đường và rãnh thoát nước đoạn Km3+450 - Km3+750 đường Kim Tân - Vĩnh Hùng - TT Quán Lào - TT Thống Nhất - Phố Châu (ĐT.516B)	Đoạn qua khu dân cư thoát nước mặt đường kém, gây đọng nước, hư hỏng kết cấu nền mặt đường	Sửa chữa nền, mặt đường và rãnh thoát nước	1.700	1.190	
11	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km14+400 - Km15+100 đường Cầu Trầu - Nưa - Am Tiên (ĐT.517)	Mặt đường BTXM đã bị bong tróc, lún nứt cục bộ	Sửa chữa nền, mặt đường	2.000	1.400	
12	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0+00 - Km1+00 đường Cẩm Sơn - Quý Lộc - Kiều (ĐT.518B)	Mặt đường bị lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, sinh lún	Sửa chữa nền, mặt đường	1.100	770	
13	Sửa chữa công thoát nước tại Km7+530 đường Kiều - Ấn Đổ (ĐT.518)	Cống xây dựng đã lâu, hiện tường thân bằng đá xây đã hư hỏng nứt vỡ, nguy cơ gây sập cống.	Sửa chữa, thay thế công thoát nước đảm bảo an toàn khai thác	100	70	

STT	Tên công trình	Hiện trạng hư hỏng	Quy mô và giải pháp kỹ thuật	Kinh phí thực hiện	Dự toán năm 2022	Ghi chú
14	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km4+400 - Km5+700 đường Cẩm Sơn - Quý Lộc - Kiều (ĐT.518B)	Mặt đường bị lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, sinh lún	Sửa chữa nền, mặt đường	1.100	770	
15	Sửa chữa cống Km16+950 và đường hai đầu cống đường tỉnh Cẩm Sơn - Quý Lộc - Kiều (ĐT.518B)	Cống Km16+950 xây dựng đã lâu đã hư hỏng, nước thấm nền đường gây hư hỏng nền, mặt đường	Sửa chữa cống thoát nước và đoạn đường hai đầu cống	500	350	
16	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km21+930 - Km22+300, Km23+00 - Km23+242, Km23+400 - Km23+767 đường tỉnh Cẩm Sơn - Quý Lộc - Kiều (ĐT.518B)	Mặt đường láng nhựa và BTXM bị lún nứt, bong lóc	Sửa chữa nền, mặt đường	3.000	2.100	
17	Sửa chữa nhà hạt quản lý đường bộ tại Km16+500 đường tỉnh Mục Sơn - Hón Can (ĐT.519)	Nhà hạt xây dựng đã lâu, hiện đã hư hỏng xuống cấp một số hạng mục công trình	Sửa chữa nhà hạt	900	630	
18	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đoạn Km14+500 - Km15+000; Km16+350 - Km16+850 và cống thoát nước Km20+780 đường tỉnh Mục Sơn - Hón Can (ĐT.519)	Mặt đường bị lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, sinh lún	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	1.100	770	
19	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km17+200 - Km18+400 đường Mục Sơn - Hón Can (ĐT.519)	Đoạn qua khu dân cư thoát nước mặt đường kém, gây đọng nước, hư hỏng kết cấu nền mặt đường	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước (Km17+600 - Km18+380)	3.000	2.100	
20	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km4+00 - Km5+300 đường TT Sao Vàng - Bình Sơn - Bù Đồn - Luận Thành (ĐT.519B)	Mặt đường bị lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, sinh lún	Sửa chữa nền, mặt đường	1.100	770	
21	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km22+550 - Km23+750 đường TT Sao Vàng - Bình Sơn - Luận Thành - Bù Đồn (ĐT.519B)	Mặt đường bị lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, sinh lún	Sửa chữa nền, mặt đường	1.100	770	

STT	Tên công trình	Hiện trạng hư hỏng	Quy mô và giải pháp kỹ thuật	Kinh phí thực hiện	Dự toán năm 2022	Ghi chú
22	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km20+500 - Km21+700 đường Xuân Quỳnh - Thanh Quân (ĐT.520B)	Mặt đường bị lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, sinh lún	Sửa chữa nền, mặt đường	1.100	770	
23	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km23+730 - Km24+730 đường Xuân Quỳnh - Thanh Quân (ĐT.520B)	Mặt đường bị lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, sinh lún	Sửa chữa nền, mặt đường	1.100	770	
24	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0+700 - Km1+800 đường Yên Cát - Thanh Quân (ĐT.520D)	Đoạn qua khu dân cư có mặt đường bị lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, sinh lún	Sửa chữa nền, mặt đường	1.000	700	
25	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km14+00 - Km15+00 đường Yên Cát - Thanh Quân (ĐT.520D)	Mặt đường bị lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, sinh lún	Sửa chữa nền, mặt đường	900	630	
26	Sửa chữa nền, mặt đường và rãnh thoát nước đoạn Km22+750 - Km24+00 đường Vạn Mai - Trung Sơn (ĐT.521)	Đoạn qua khu dân cư có mặt đường bị lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, sinh lún; rãnh dọc bị hư hỏng	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề và rãnh thoát nước	2.100	1.470	
27	Sửa chữa nền, mặt đường và rãnh thoát nước đoạn Km0+350 - Km1+750, Km4+00 - Km4+400 đường Cảnh Nàng - Lũng Cao (ĐT.521B)	Đoạn qua khu dân cư thoát nước mặt đường kém, gây đọng nước, hư hỏng kết cấu nền mặt đường	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề và rãnh thoát nước	3.800	2.660	
28	Sửa chữa nền, mặt đường, rãnh thoát nước đoạn Km14+800 - Km15+600 đường Ban Công - Phú Lệ (ĐT.521C)	Đoạn qua khu dân cư thoát nước mặt đường kém, gây đọng nước, hư hỏng kết cấu nền mặt đường	Sửa chữa nền, mặt đường, rãnh thoát nước	1.900	1.330	
29	Sửa chữa nền, mặt đường và rãnh thoát nước đoạn Km11+200 - Km12+050 đường tỉnh Tén Tản - Quang Chiêu - Mường Chanh (ĐT.521E)	Đoạn qua khu dân cư thoát nước mặt đường kém, gây đọng nước, hư hỏng kết cấu nền mặt đường	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề và rãnh thoát nước	1.100	770	

STT	Tên công trình	Hiện trạng hư hỏng	Quy mô và giải pháp kỹ thuật	Kinh phí thực hiện	Dự toán năm 2022	Ghi chú
30	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km18+300 - Km19+500 đường Tén Tàn - Mường Chanh - Quang Chiểu (ĐT.521E)	Mặt đường bị lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, sinh lún	Sửa chữa nền, mặt đường	2.300	1.610	
31	Sửa chữa nền, mặt đường và rãnh thoát nước đoạn Km0+300 - Km1+200 đường Bím Sơn-Hà Long - Hà Lĩnh (ĐT.522B)	Đoạn qua khu dân cư thoát nước mặt đường kém, gây đọng nước, hư hỏng kết cấu nền mặt đường	Sửa chữa nền, mặt đường và rãnh thoát nước	4.500	3.150	
32	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km1+100 - Km1+400, Km4+100 - Km5+100 đường Cẩm Phong - Cẩm Lương - Cẩm Thạch (ĐT.523E)	Mặt đường bị lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, sinh lún	Sửa chữa nền, mặt đường	1.100	770	
33	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km18+600 - Km19+250, Km20+650 - Km21+200 đường Ban Công - Lương Nội (ĐT.523D)	Mặt đường bị lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, lún nứt	Sửa chữa nền, mặt đường	1.100	770	
34	Sửa chữa nền, mặt đường và rãnh thoát nước đoạn Km30+900 - Km32+500 đường Cẩm Tú - Điền Lư (ĐT.523B)	Đoạn qua khu dân cư thoát nước mặt đường kém, gây đọng nước, hư hỏng kết cấu nền mặt đường	Sửa chữa nền, mặt đường và rãnh thoát nước Km30+900 - Km31+200	3.000	2.100	
35	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km3+100 - Km4+300 đường Yên Dương - Hoạt Giang (ĐT.523 kéo dài)	Mặt đường lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, sinh lún.	Sửa chữa nền, mặt đường	1.100	770	
36	Sửa chữa cống thoát nước tại Km7+300/ĐT.525 đoạn từ Km43+950/ĐT.506 đi ngã ba xã Tượng Văn	Cống xây dựng đã lâu, hiện tường thân bằng đá xây đã hư hỏng nứt vỡ, nguy cơ gây sập cống.	Sửa chữa, thay thế cống thoát nước đảm bảo an toàn khai thác	100	70	
37	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km4+800 - Km5+600 ĐT.526 tuyến nhánh ngã tư Hòa Lộc - Đa Lộc	Đoạn qua khu dân cư thoát nước mặt đường kém, gây đọng nước, hư hỏng kết cấu nền mặt đường	Sửa chữa nền, mặt đường và rãnh thoát nước	4.800	3.360	

STT	Tên công trình	Hiện trạng hư hỏng	Quy mô và giải pháp kỹ thuật	Kinh phí thực hiện	Dự toán năm 2022	Ghi chú
38	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km9+700 - Km10+200 ĐT.526 tuyến nhánh ngã tư Hòa Lộc - Đa Lộc	Mặt đường bị lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, sinh lún	Sửa chữa nền, mặt đường	700	490	
39	Sửa chữa rãnh thoát nước đoạn Km2+140 - Km2+580 đường Tứ Thôn - Mộng Giường (ĐT.527B)	Đoạn qua khu dân cư thoát nước mặt đường kém, gây đọng nước, hư hỏng kết cấu nền mặt đường	Sửa chữa rãnh thoát nước	1.100	770	
40	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km3+280 - Km4+400 đường TT Hà Trung - Hà Lan (ĐT.527C)	Nền, mặt đường bị lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, sinh lún	Sửa chữa nền, mặt đường	3.500	2.450	
41	Sửa chữa cầu Giàng Km6+180 đường tỉnh TT Lang Chánh - Yên Khương (ĐT.530)	Cầu xây dựng năm 2002, dài 9m, rộng 6m. Mặt Cầu bong lóc, rạn nứt, khe co giãn hư hỏng	Sửa chữa mặt cầu, Đục bỏ toàn bộ bản mặt cầu, gờ lan can, thay thế Khe co giãn, thay lan can	600	420	
42	Sửa chữa nền, mặt đường và rãnh thoát nước đoạn Km1+170 - Km1+350 đường TT Lang Chánh - Trung Hạ (ĐT.530B)	Đoạn qua khu dân cư thoát nước mặt đường kém, gây đọng nước, hư hỏng kết cấu nền mặt đường	Sửa chữa nền, mặt đường và rãnh thoát nước	1.100	770	
43	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km10+900 - Km12+300 đường TT Lang Chánh - Trung Hạ (ĐT.530B)	Mặt đường bị lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, sinh lún	Sửa chữa nền, mặt đường	1.100	770	
44	Sửa chữa hư hỏng hệ thống điện chiếu sáng đường từ QL.47 - CHK Thọ Xuân	Nhiều bóng đèn bị cháy, cột đèn bị xe húc móp méo, nghiêng ngã. Rơ le điều chỉnh thời gian thường xuyên bị hư hỏng không điều chỉnh được	Sửa chữa các bóng đèn bị cháy, cột đèn bị hư hỏng và các chi tiết điều khiển hệ thống điện chiếu sáng trên tuyến	500	350	

STT	Tên công trình	Hiện trạng hư hỏng	Quy mô và giải pháp kỹ thuật	Kinh phí thực hiện	Dự toán năm 2022	Ghi chú
45	Sửa chữa hư hỏng hệ thống điện chiếu sáng đường từ QL.47 - HCM	Nhiều bóng đèn bị cháy, cột đèn bị xe húc móp méo, nghiêng ngã. Rơ le điều chỉnh thời gian thường xuyên bị hư hỏng không điều chỉnh được	Sửa chữa các bóng đèn bị cháy, Thay thế cột đèn bị hư hỏng và thay thế các chi tiết điều khiển hệ thống điện chiếu sáng trên tuyến	900	630	
46	Sửa chữa nền mặt đường và rãnh thoát nước đoạn Km1+750 - Km3+900 đường tỉnh ngã ba Môi - Núi Chẹt (ĐT.511)	Đoạn tuyến qua khu đông dân cư thoát nước kém, lưu lượng xe lớn gây xuống cấp, hư hỏng kết cấu nền, mặt đường	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường (thảm BTN), rãnh thoát nước	6.300	4.410	
47	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km3+900 - Km5+200 đường tỉnh ngã ba Môi - Núi Chẹt (ĐT.511)	Đoạn tuyến qua khu đông dân cư thoát nước kém, lưu lượng xe lớn gây xuống cấp, hư hỏng kết cấu nền, mặt đường	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường (thảm BTN)	3.300	2.310	
48	Xây dựng tràn liên hợp suối Nứa Km4+150 (tuyến nhánh) thay thế tràn cũ bị hư hỏng đường Cảnh Năng - Lũng Cao (ĐT.521B)	Tràn suối Nứa hư hỏng, khẩu độ thoát nước không đảm bảo, khi mưa lũ thường xảy ra ngập, gây ách tắc giao thông	Xây dựng công trình đảm bảo khẩu độ thoát nước	4.500	3.150	
49	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình thoát nước đoạn Km6+745 - Km7+600 đường tỉnh Đu - Thọ Vực - TT Triệu Sơn (ĐT.515C)	Đoạn tuyến qua khu dân cư thoát nước kém gây hư hỏng nền mặt đường	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình thoát nước	3.500	2.450	
50	Sửa chữa rãnh thoát nước đoạn Km6+700-Km7+200 đường tỉnh Thọ Minh - Kiên Thọ (ĐT.506D)	Đoạn tuyến qua khu dân cư thoát nước kém gây hư hỏng nền mặt đường	Bổ sung rãnh thoát nước	2.300	1.610	
51	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km0+00 - Km1+100 đường Cầu Hà Lan - QL.10 (ĐT.527)	Mặt đường bị lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, sinh lún	Sửa chữa nền, mặt đường, công trình thoát nước	1.100	770	

STT	Tên công trình	Hiện trạng hư hỏng	Quy mô và giải pháp kỹ thuật	Kinh phí thực hiện	Dự toán năm 2022	Ghi chú
52	Sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước đoạn Km1+500-Km2+500 đường Cầu Cừ - Kim Tân - Dốc Trầu (ĐT.523)	Đoạn tuyến qua khu đông dân cư chưa có hệ thống rãnh dọc, gây đọng nước, hư hỏng kết cấu mặt đường	Sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước; gia cố lề và láng nhựa mặt đường	5.500	3.850	
53	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km0+00 - Km0+350 đường Tân Dân - Chuông (ĐT.512)	Đoạn tuyến qua khu đông dân cư chưa có hệ thống rãnh dọc, gây đọng nước, hư hỏng kết cấu mặt đường	Sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	2.200	1.540	
54	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km4+200 - Km4+650 đường Chợ Kho - Minh Thọ (ĐT.525)	Đoạn tuyến qua khu đông dân cư chưa có hệ thống rãnh dọc, gây đọng nước, hư hỏng kết cấu mặt đường	Sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	2.500	1.750	
55	Sửa chữa cầu Báo Văn (Km9+189) đường tỉnh Hà Ninh - Ngã Ba Hạnh (ĐT.508)	Cầu đưa vào khai thác từ năm 1971; Lc=62m; một số dầm chủ xuất hiện hư hỏng (lộ cốt thép bị ăn mòn, gỉ, trương nở phá vỡ lớp bê tông bảo vệ), gối cầu bị han rỉ, lớp phủ mặt cầu bị bong tróc, hư hỏng nặng, các khe co giãn mất tác dụng; lan can cầu, lề bộ hành bằng BTCT bị mục gãy; tứ nón mố đá xây phía trước mố bị nứt mạch vữa xây	Sửa chữa kết cấu phần trên, gối cầu, khe co giãn, lan can cầu, tứ nón mố cầu và đường đầu cầu đảm bảo khai thác an toàn	4.800	3.360	
56	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km3+00 - Km4+800, Km7+300 - Km7+700 đường Sim - Bến Sung - Thanh Tân (ĐT.520)	Mặt đường bị lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, sinh lún	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường	2.500	1.750	
57	Sửa chữa hệ thống báo hiệu đường bộ Đại lộ Nam Sông Mã	Vạch sơn kẻ đường bị mờ, mất tác dụng, mặt cắt ngang quy hoạch hư hỏng	Sửa chữa hệ thống báo hiệu đường bộ	1.100	770	

STT	Tên công trình	Hiện trạng hư hỏng	Quy mô và giải pháp kỹ thuật	Kinh phí thực hiện	Dự toán năm 2022	Ghi chú
58	Sửa chữa rãnh thoát nước đoạn Km6+200 - Km6+700 (PT) đường Hà Ninh - Ngã Ba Hạnh (ĐT.508)	Đoạn qua khu dân cư thoát nước mặt đường kém, gây đọng nước, hư hỏng kết cấu nền mặt đường	Sửa chữa rãnh thoát nước	1.100	770	
59	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km1+500 - Km2+800 đường Yên Dương - Hoạt Giang (ĐT.523 kéo dài)	Mặt đường lún võng, rạn nứt, bong lóc, ổ gà, sinh lún.	Sửa chữa nền, mặt đường	1.100	770	
60	Bổ sung rãnh thoát nước đoạn Km10+950 - Km11+600 đường Yên Phong - Cầu Bụt (ĐT.506C)	Đoạn tuyến qua khu dân cư thoát nước kém gây hư hỏng nền mặt đường	Bổ sung rãnh thoát nước	3.000	2.100	
61	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km11+960 - Km12+200; Km19+700 - Km20+100 đường Đu - Thọ Vực - TT Triệu Sơn (ĐT.515C)	Đoạn tuyến qua khu dân cư, thoát nước kém, đọng nước gây hư hỏng kết cấu nền, mặt đường	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	3.700	2.590	
II	Công trình sửa chữa lớn đường tỉnh			65.000	42.000	
1	Sửa chữa cầu Hiệu (Km0+224) đường tỉnh Thành Tâm - Thành Long - Vĩnh Hưng - TT Vĩnh Lộc (ĐT.522)	Cầu xây dựng từ năm 1991, nhịp 2x5,5m; hiện trạng cầu hư hỏng lớn: bê tông dầm bản bị vỡ, lộ cốt thép han gỉ; không có gối cầu; mố, trụ đá học xây hư hỏng nứt vỡ, khổ cầu nhỏ, lan can bằng thép gia cố tạm; tải trọng thấp, không đáp ứng yêu cầu	Sửa chữa, mở rộng khẩu độ, khổ cầu chiều dài toàn cầu $L_c=23m$ (tính đến đuôi mố), chiều dài nhịp $L_d=15m$; chiều rộng cầu $B_c=8m$; vượt nối đường hai đầu cầu	6.000	4.000	
2	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km11+500 - Km22+500 đường tỉnh Kiều - Ân Đô (ĐT.518)	Hiện trạng nền đường rộng $B_n=6,5m$, mặt đường rộng $B_m=3,5m$ đã hư hỏng nặng, nhiều vị trí sinh lún, ổ gà, bong bật, xói lè	Sửa chữa nền mặt đường, gia cố lè, công trình thoát nước	20.000	13.000	

STT	Tên công trình	Hiện trạng hư hỏng	Quy mô và giải pháp kỹ thuật	Kinh phí thực hiện	Dự toán năm 2022	Ghi chú
3	Sửa chữa nền, mặt đường đoạn Km0-Km3+00 đường tỉnh Thiệu Hóa - Xuân Vinh - Xuân Lam (ĐT.506B)	Hiện trạng nền đường rộng $B_n=6,5m$, mặt đường rộng $B_m=5,5m$ đã hư hỏng nặng, nhiều vị trí sinh lún, ổ ga, bong bật, xói lề	Sửa chữa nền mặt đường, gia cố lề, công trình thoát nước, thảm BTN mặt đường	6.000	4.000	
4	Sửa chữa cầu Trắng (Km6+670) đường tỉnh Ba Chè - Hạnh Phúc (ĐT.515) bị hư hỏng	Cầu xây dựng từ năm 1966, hiện trạng cầu $L_c=24m$ (3 nhịp $6m + 6m$ chiều dài mố), $B_c=4m$; khổ cầu nhỏ, hẹp; tải trọng thấp (H10), không đáp ứng yêu cầu	Sửa chữa, mở rộng khẩu độ, khổ cầu chiều dài toàn cầu $L_c=41m$ (tính đến đuôi mố), chiều dài nhịp $L_d=33m$; chiều rộng cầu $B_c=9m$; vượt nối đường hai đầu cầu	12.000	7.500	
5	Sửa chữa mở rộng khẩu độ thoát nước tại tràn Thành Nàng Km32+00 đường tỉnh Sao Vàng - Luận Thành - Bù Đồn (ĐT.519B)	Hiện trạng tràn dài 60m, khẩu độ công thoát nước $2 \times 1,5m$ không đáp ứng lưu lượng; thường xảy ra ngập, lụt, ách tắc giao thông khi trời mưa	Mở rộng khẩu độ, khổ cầu chiều dài toàn cầu $L_c=23m$ (tính đến đuôi mố), chiều dài nhịp $L_d=15m$; chiều rộng cầu $B_c=8m$; vượt nối đường hai đầu cầu	7.000	4.500	
6	Sửa chữa nền mặt đường, rãnh thoát nước đoạn Km8 - Km11+00 từ xã Thành Lâm đi xã Thành Sơn đường tỉnh Ban Công - Phú Lệ (ĐT.521C)	Đoạn tuyến qua khu du lịch Pù Luông, huyện Bá Thước thường xuyên đón khách du lịch; hiện trạng mặt đường láng nhựa, không có rãnh thoát nước	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, công trình thoát nước, thảm BTN mặt đường	8.000	5.000	

STT	Tên công trình	Hiện trạng hư hỏng	Quy mô và giải pháp kỹ thuật	Kinh phí thực hiện	Dự toán năm 2022	Ghi chú
7	Sửa chữa mở rộng khẩu độ thoát nước tràn Tân Thắng, xã Tân Bình Km8+930 đường tỉnh TT Yên Cát - Xuân Khang (ĐT.520C), huyện Như Xuân	Tràn dài 60m, xây dựng đã lâu; hiện trạng mặt tràn hư hỏng, nứt vỡ; khẩu độ thoát nước 2x1,0m không đáp ứng lưu lượng; thường xảy ra ngập, lụt, ách tắc giao thông khi trời mưa	Sửa chữa tràn, mở rộng khẩu độ thoát nước; đường hai đầu tràn	6.000	4.000	